

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

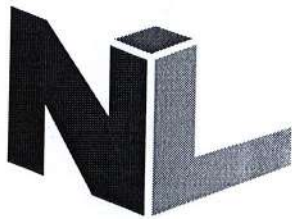
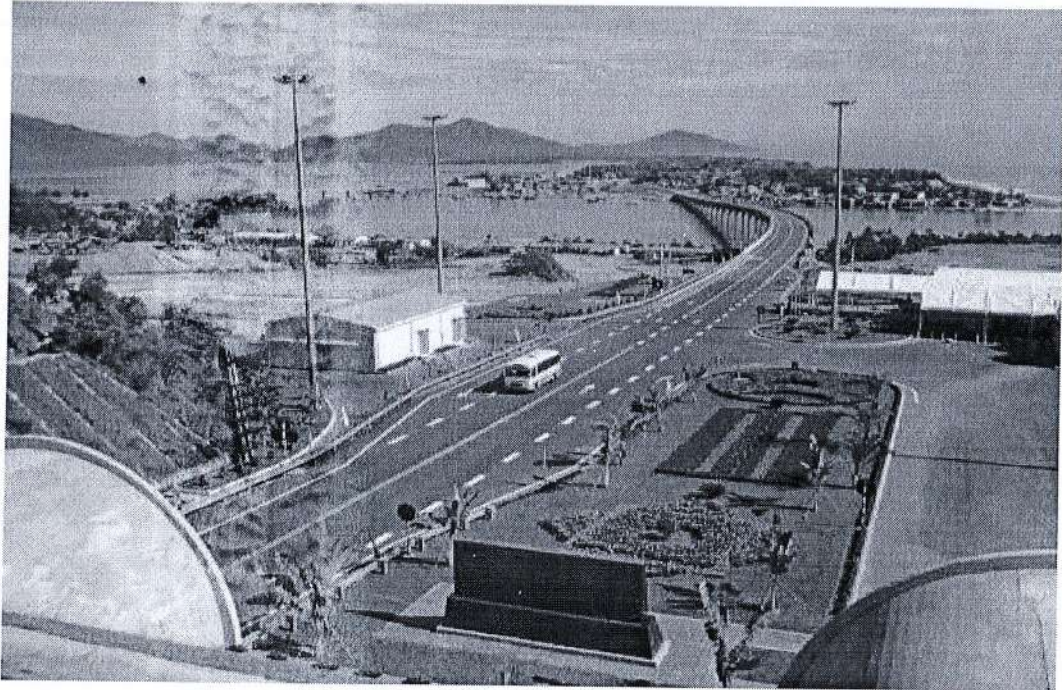
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

==== &*& ====

**DỰ ÁN SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ TẠI CHỖ XÃ NGỌC LINH,
HUYỆN ĐẮK GLEI
ĐỊA ĐIỂM XD: XÃ NGỌC LINH, HUYỆN ĐẮK GLEI – TỈNH KON TUM**

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐTXD (ĐIỀU CHỈNH)

TẬP I: THUYẾT MINH CHUNG+TỔNG MỨC ĐẦU TƯ



NAMLONG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & XÂY DỰNG NAM LONG

Địa chỉ: 18 Hồ Tùng Mậu, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Điện thoại: 0987.500.777

Gmail: Namlongkontum@gmail.com

KONTUM: 2024

CTY TNHH TV-XD
NAM LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI (ĐIỀU CHỈNH)

Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei.

Địa điểm XD: Xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum

Chương 1

SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ VÀ MỤC TIÊU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ VÀ CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

I.1. Sự cần thiết đầu tư

Đắk Glei là huyện biên giới phía Bắc của tỉnh Kon Tum, có địa hình chia cắt phức tạp. Hiện nay, người dân trên địa bàn lưu thông từ làng xuống xã Ngọc Linh và các xã lân cận (Đắk Choong, Ngọc Linh và Thị trấn Đắk Glei) là tương đối lớn, thông qua đường mòn hiện trạng. Tuy nhiên, trong những năm qua, các tuyến đường từ trung tâm xã đi 02 thôn Tân Út và Tân Rát đã xuống cấp nghiêm trọng, đường liên tục bị sạt lở khi có mưa bão, gây ách tắc giao thông, nhất là các khe suối chưa được đầu tư cầu cống và khó khăn trong việc tiếp tế lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm cho bà con nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại các làng xã Ngọc Linh.

Nhằm từng bước xây dựng mạng lưới giao thông hoàn chỉnh trong khu vực, phục vụ nhân dân đi lại được thuận lợi (đặc biệt giữa các làng xã Ngọc Linh) tạo điều kiện để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, nâng cao đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng. Mặt khác khi đầu tư xây dựng tuyến đường này sẽ thuận lợi cho nhân dân trong vùng dự án..

Góp phần từng bước phân bố lại dân cư trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt sản xuất của nhân dân địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời Dự án được thực hiện sẽ góp phần từng bước hoàn thiện mạng lưới đường giao thông trên địa bàn huyện theo quy hoạch.

Tạo điều kiện cho người dân nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, các cấp chính quyền thuận lợi trong công tác quản lý, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, thiên nhiên, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực. Vì vậy việc đầu tư xây dựng Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đắk Glei là cần thiết.

I.2. Chủ trương đầu tư

- Nghị quyết 54/NQ-HĐND ngày 29/08/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án huyện Đăk Glei, về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021– 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của HĐND huyện Đăk Glei về danh mục dự án huyện Đăk Glei, về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG giai 2021 đến năm 2025 trên địa huyện Đăk Glei;

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ LÝ DO ĐIỀU CHỈNH:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 Quốc hội Khoá XV;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;
- Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về việc quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Về doanh mục đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1: 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của HĐND huyện Đăk Glei về danh mục dự án huyện Đăk Glei, về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG giai 2021 đến năm 2025 trên địa huyện Đăk Glei;

- Căn cứ Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Đăk Glei về việc phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei;

- Các văn bản pháp qui khác có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản và các quy chuẩn, quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành.

2. Lý do điều chỉnh:

Tại Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Đăk Glei về việc phê duyệt dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei tiến độ thực hiện dự án từ năm 2022-2024. Tuy nhiên tại Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/10/2022 của HĐND huyện Đăk Glei, thời gian là 2023-2025 và tại Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei năm 2022 chỉ giao vốn 400 triệu đồng để chuẩn bị đầu tư dự án, còn thời gian bắt đầu giao vốn khởi công hoàn thành là từ 2023-2025. Do đó phải điều chỉnh lại tiến độ thực hiện dự án Từ năm 2023-2025 để phù hợp với Nghị Quyết và kế hoạch vốn giao hàng năm.

III. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thị trấn Đăk Glei theo quy hoạch, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân được thông suốt, khai thác tiềm năng quỹ đất cho mục tiêu phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

IV. ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG, DIỆN TÍCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHẠM VI DỰ ÁN

- Địa điểm xây dựng: Xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.
- Tổng diện tích sử dụng đất khoảng 4,0ha.
- Phạm vi nghiên cứu của dự án

Phạm vi nghiên cứu của dự án:

+ Chiều dài các nhánh tuyến: 5,9 Km; Trong đó có 2 tuyến chính (N1, N6) L= 4.2 Km và 5 tuyến nhánh (N2, N3, N4, N5, N7) L= 1.7Km. (Xem bình đồ tổng thể các nhánh tuyến ở hồ sơ thiết kế cơ sở).

- Các hạng mục được đầu tư trong dự án gồm:

- + Nền, mặt đường, gia cố lề .
- + Thoát nước dọc toàn tuyến.

- + Bổ sung một số vị trí thoát nước ngang trên tuyến.
- + Bổ sung hệ thống an toàn giao thông.
- + Tận dụng, công hiện hữu trên tuyến, bổ sung các vị trí chưa có cống.

CHƯƠNG 2

SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

I. HIỆN TRẠNG KINH TẾ XÃ HỘI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC

1. Vị trí địa lý dự án:

- Xã Ngọc Linh nằm ở phía Đông của huyện Đắk Glei, cách trung tâm huyện khoảng 50km theo tỉnh lộ 673 có vị trí địa lý như sau:

- Có tọa độ địa lý:
 - + Từ 15°05'00" - 15°12'15" vĩ độ Bắc
 - + Từ 107°53'10" - 108°01'00" kinh độ Đông
- Vị trí tứ cận
 - + Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam
 - + Phía Nam giáp xã Mường Hoang
 - + Phía Tây giáp xã Đắk Choong
 - + Phía Đông giáp tỉnh Quảng Nam

2. Diện tích tự nhiên:

Huyện Đắk Glei có diện tích đất tự nhiên khoảng 149.364,50 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp khoảng: 139.958,28 ha; Đất phi nông nghiệp khoảng: 3.771,72 ha; Còn lại đất chưa sử dụng khoảng: 5.634,49 ha.

3. Dân số:

Huyện Đắk Glei có số dân là 50.034 người, trong đó: Dân số thành thị là 7.038 người chiếm 14% và dân số nông thôn là 42.996 người, mật độ dân số đạt 30 người/km².

4. Kinh tế - xã hội:

4.1. Về nông nghiệp:

Diện tích gieo trồng cây hàng năm là 7.951,5 ha tăng 1,8% (+143 ha) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng lương thực có hạt 11.389,7 tấn, giảm 15,4% (-2.071,3 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Diện tích cây lâu năm hiện có 3.417,6 ha tăng 4,8% (+ 157,8 ha) so cùng kỳ năm trước. Trong năm 2020 lãnh đạo huyện đã chỉ đạo các xã phía bắc chú trọng phát triển về diện tích cây sâm Ngọc Linh và Hồng Đăng Sâm (sâm dây) góp phần xóa đói giảm nghèo. Tổng đàn trâu hiện có 3.211 con tăng 7,9% (+ 236 con). Tổng đàn bò hiện có 10.455 con tăng 6,8% (+ 662 con). Đàn lợn số con hiện có 9.638

con giảm 0,9% (- 88 con) so với cùng kỳ năm trước. Đàn gia cầm số con hiện có 41.491 con giảm 5,1% (- 2.242 con) so với cùng kỳ năm trước.

4.2. Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các ngành có lợi thế đã được chú trọng đầu tư phát triển góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Hệ thống thương mại, dịch vụ được mở rộng với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế; mạng lưới phân phối được mở rộng đến nông thôn, đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 11,55%. Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản giảm từ 44,5% năm 2010 xuống còn 42,8%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 23,5% lên 24,6%; thương mại dịch vụ tăng từ 32,0% lên 32,6%.

4.2. Thương mại - dịch vụ và du lịch:

- Tình hình giá cả hàng hoá trên thị trường luôn được kiểm soát và theo dõi đảm bảo bình ổn, nhất là các mặt hàng thiết yếu, không để xảy ra tình trạng đột biến về giá, không có trường hợp đầu cơ găm hàng, gian lận thương mại.

- Tổ chức triển khai Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” rộng rãi, đưa các mặt hàng có chất lượng, giá cả phù hợp đến vùng sâu, vùng xa của huyện.

- Tổ chức kiểm tra Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công thương cho chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh tại các cửa hàng tạp hóa; chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất các sản phẩm từ tinh bột; các cá nhân sản xuất rượu thủ công trên địa bàn huyện.

- Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư được đẩy mạnh. Thường xuyên cập nhật các thông tin, bài viết và hình ảnh về du lịch trên trang thông tin điện tử du lịch của huyện. Phối hợp các công ty du lịch tổ chức hướng dẫn các tour tham quan cho du khách. Thường xuyên kiểm tra chất lượng của các cơ sở lưu trú tại địa bàn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ du khách tham quan trong các dịp lễ. Tổ chức gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, để tháo gỡ, giải quyết đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Lượng khách du lịch đến địa bàn ngày càng tăng.

4.3. Nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Nông nghiệp:

Đến nay, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp của huyện Đăk Glei đạt 87% (100% kế hoạch); cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, thu nhập bình quân đầu người tăng qua các năm (34,7 triệu đồng vào năm 2020, đạt 100% kế hoạch). Diện tích cây trồng chủ lực của huyện được quan tâm phát triển, trong đó cây cao su đạt 1.533,8ha; cà phê 1.729,3ha; sắn Ngọc Linh hơn 6,63ha và hơn 250ha các loại được liệu khác (như hồng đẳng sắn, đương quy, đinh lăng...).

Thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp bền vững, huyện Đăk Glei đã tiến hành khuyến khích, hướng dẫn người dân đưa những loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với khí hậu, thổ nhưỡng địa phương và có hiệu quả kinh tế vào sản xuất. Từ đó, lựa chọn, tập trung phát triển 9 sản phẩm chủ lực như mì, cao su, cà phê, sản phẩm chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, sâm Ngọc Linh và các loại dược liệu khác...

- Trồng trọt: Tập trung chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn cơ cấu giống và lịch thời vụ gieo trồng; phối hợp với các địa phương tăng cường thực hiện các biện pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng; giám sát chặt chẽ và phòng trừ kịp thời, hiệu quả sâu bệnh hại cây trồng; Công tác dự báo và triển khai các biện pháp chống thiên tai kịp thời. Kết quả, diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2020-2021 đạt 10.314 ha, đạt 93,1% so với kế hoạch và bằng 101,3% so với cùng kỳ năm trước;

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc: 280.734 con, trong đó: đàn trâu: 25.840 con; đàn bò: 84.772 con; đàn lợn: 149.670 con; đàn dê: 20.452 con; tổng đàn gia cầm các loại: 1.694.980 con. Có 59 trang trại; có 30 chuỗi liên kết, trong đó có: 18 chuỗi liên kết chăn nuôi heo; 9 chuỗi liên kết chăn nuôi gia cầm; 2 chuỗi liên kết thức ăn; 1 chuỗi liên kết thủy sản (cá). Công tác tái đàn lợn, tăng đàn lợn trên địa bàn tỉnh vẫn được triển khai, thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Và các trang trại chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học như các hộ chăn nuôi gia công cho Công ty và một số cơ sở chăn nuôi tư nhân thực hiện việc tái đàn đúng theo quy định.

- Thủy sản: Ước 6 tháng đầu năm 2020 diện tích ao nuôi khoảng 716 ha đạt 99,17% kế hoạch, bằng 101,13% so với cùng kỳ; nuôi thủy sản mặt nước lớn các công trình thủy lợi, thủy điện đạt 568 ha, nuôi cá lồng 243 lồng. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 2.652 tấn, đạt 50,98% kế hoạch, bằng 108,73 so với cùng kỳ.

- Lâm nghiệp: Tổng diện tích 4.049,9ha. Diện tích rừng do UBND xã quản lý, giao khoán, quản lý và bảo vệ rừng theo Nghị quyết 30a/CP của Chính phủ; Thường xuyên tuần tra, truy quét tại các điểm nóng về khai thác, mua bán, cất giữ, vận chuyển lâm sản trái phép; phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật.

4.4. Lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội:

- Đã tổ chức các lớp đào tạo cho các đối tượng trong độ tuổi lao động thông qua các lớp học nghề.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công và chính sách an sinh xã hội. Tổ chức thăm hỏi, động viên, chăm lo cho gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội, các đơn vị đặc thù làm nhiệm vụ trong các dịp lễ, tết. Triển khai kế hoạch hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở từ nguồn Quỹ vì người nghèo của tỉnh và thành phố.

4.5. Giáo dục:

Huyện Đăk Glei có 38 trường học, 526 lớp với 12.014 học sinh từ bậc học Mầm non đến bậc Trung học cơ sở, có 942 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Hệ thống trường lớp từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp theo hướng kiên cố hóa. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được trang bị đáp ứng nhu cầu dạy và học tập. Số học sinh được công

nhận tốt nghiệp THCS đạt tỷ lệ 99,7%. Đến nay, 12 xã, thị trấn có trung tâm học tập cộng đồng, đạt tỷ lệ 100%. Toàn huyện có 8 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 21,1%.

4.6. Y tế, dân số, gia đình và trẻ em:

- Các trạm y tế xã, thị trấn đều có bác sĩ, 100% các thôn, làng có nhân viên y tế; đạt 7 bác sĩ/vạn dân; có 50% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Thường xuyên tăng cường và phối hợp với đội ngũ y tế các cấp về các thôn làng để vận động nhân dân tham gia các chiến dịch triển khai công tác y tế dự phòng nhằm bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Công tác cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, bảo đảm tất cả người bệnh cấp cứu được khám và điều trị kịp thời.

- Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân thực hiện đảm bảo cơ bản đã đáp ứng với nhu cầu chăm sóc sức khỏe và khám, chữa bệnh nhân dân trên địa bàn huyện, duy trì công tác trực khám và điều trị tại các cơ sở y tế. Đã chủ động triển khai nhiều biện pháp khống chế, ngăn chặn kịp thời các bệnh truyền nhiễm xuất hiện trên địa bàn; công tác tiêm chủng được triển khai kịp thời. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện. Công tác phòng, chống dịch Covid-19 đã phun khử khuẩn 216 điểm (trường học, nhà nghỉ, khách sạn và nơi công cộng...) trên địa bàn huyện.

5. Cơ sở hạ tầng:

5.1. Giao thông:

Cũng giống như các huyện khác thuộc tỉnh Kon Tum, ở huyện Đăk Glei giao thông đường bộ là phương thức duy nhất phục vụ cho nhu cầu vận tải và đi lại của người dân nơi đây.

Ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình giao thông đến trung tâm xã, trung tâm cụm xã, các công trình giao thông nông thôn phục vụ phát triển các khu sản xuất, Nhưng mạng lưới đường giao thông giữa các trung tâm cụm xã chưa được nâng cấp đầu tư đúng mức nên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện bao gồm 3 hệ thống chính. Hệ thống Tỉnh lộ, hệ thống huyện lộ, hệ thống giao thông nông thôn. Luận chứng các hạng mục đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Đường Hồ Chí Minh: Đoạn đi qua địa bàn tỉnh Kon Tum dài 155 km. Điểm đầu tại Km1411 (ranh giới tỉnh Quảng Nam), điểm cuối tại Km1566 (ranh giới tỉnh Gia Lai); tuyến đi qua địa bàn 4 huyện (Đăk Glei, Ngọc Hồi, Đăk Tô, Đăk Hà) và thành phố Kon Tum. Đoạn tuyến từ ranh giới Quảng Nam đến thị trấn Plei Kần đạt cấp III miền núi; các đoạn qua thành phố Kon Tum, thị trấn Đăk Hà, Đăk Tô, Plei Kần, Đăk Glei đạt tiêu chuẩn cấp II; đoạn từ Tân Cảnh (Đăk Tô) đến thành phố Kon Tum đang được nâng cấp, mở rộng đạt cấp III đồng bằng. Đây là trục đường quan trọng của khu vực Tây Nguyên và cả nước.

- Đường Tuần tra biên giới: Chiều dài đường Tuần tra biên giới qua khu vực Đắk Glei khoảng 110Km, kết cấu mặt đường bằng bê tông xi măng 3,5m và công trình thoát nước đầu tư hoàn chỉnh.

- Đường nối từ đường HCM đến trung tâm xã Đắk Long: Đã được đầu tư xây dựng với quy mô đường cấp IV miền núi, mặt đường láng nhựa.

- Đường xã, thôn: Ngoài ra trong khu vực dự án có các đường giao thông nội vùng bao gồm đường xã, đường thôn, đường đi khu sản xuất. Các đường này chủ là đường đất, một số đường nội thôn tại các khu đông dân cư đã được bê tông hóa.

- Huyện đã xây dựng hơn 156km đường nhựa trục xã, liên xã và 58km đường bê tông trục thôn, liên thôn, nâng cấp 45km đường ngõ, xóm, 150km đường đi khu sản xuất với tổng kinh phí 562,456 tỷ đồng. Nhờ vậy, đến nay, 9/11 xã đạt chuẩn về tiêu chí giao thông, 11/11 xã đạt chuẩn về tiêu chí thủy lợi. Huyện có 87/112 thôn, làng có nhà rông, 23 hội trường thôn, 10 trường học đạt chuẩn quốc gia.

5.2. Cấp nước:

Nguồn nước phục vụ ăn uống sinh hoạt hằng ngày và canh tác của các khu vực khác được lấy từ nguồn giếng đào, giếng khoan trong khu vực.

5.3 Thoát nước:

a. Thoát nước mưa:

Ngoài tuyến đường Hồ Chí Minh những đoạn qua khu dân cư đã được đầu tư hệ thống thoát nước mưa. Các tuyến còn lại chưa xây dựng công thoát nước dọc; nước mưa chủ yếu chảy trên mặt đường hoặc rãnh đất.

b. Thoát nước thải:

Khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước thải tập trung. Hiện tại thoát nước thải chủ yếu là xả vào hệ thống thoát nước mưa hoặc làm các bể xử lý qui mô hộ gia đình.

5.4. Cấp điện:

- Các tuyến đường trong khu vực đều đã có hệ thống điện chiếu sáng.

- Đa số hộ dân đã có điện lưới dùng để sinh hoạt nhưng công suất điện vẫn chưa đảm bảo đặc biệt là khả năng phát triển trong tương lai. Hệ thống dây dẫn trong nhà hầu hết là dây nổi, được xây dựng từ lâu.

5.5. Thông tin liên lạc:

- Chủ yếu là tuyến cáp treo nội hạt loại từ 10x2 đến 600x2, các tuyến này một số đi theo tuyến đường của Bưu điện, còn hầu hết đi chung với tuyến đường của điện lực.

- Mạng viễn thông được số hóa 100%, kỹ thuật Analog được thay thế bằng kỹ thuật số hiện đại, giúp tự động hóa hoàn toàn cuộc gọi quốc tế và liên tỉnh.

- Các dịch vụ viễn thông như Fax, Internet, thư từ báo chí, các dịch vụ viễn thông ngày càng đa dạng, phong phú, phục vụ nhu cầu của người dân.

5.6. Vệ sinh môi trường:

- Tổ chức tốt hệ thống thu gom, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, thực hiện xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải đảm bảo về môi trường công nghiệp.

- Cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường kiểm tra môi trường các cơ sở sản xuất nuôi trồng thủy sản.

- Để phát triển du lịch sinh thái theo hướng thân thiện với môi trường thì việc tạo cơ chế, chính sách phát triển du lịch sinh thái bền vững là rất quan trọng. Điều này tạo ra một hành lang pháp lý cho hoạt động du lịch sinh thái nhằm làm cơ sở cho việc giám sát chặt chẽ hoạt động du lịch và quản lý nguồn tài nguyên. Vì vậy, cần sớm triển khai quy hoạch chi tiết cho các cụm, điểm du lịch chưa có quy hoạch cho phát triển du lịch sinh thái đồng thời đánh giá tiềm năng tài nguyên làm cơ sở cho việc nghiên cứu, phát triển. Giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ về môi trường không chỉ dừng lại ở du khách, cộng đồng dân cư địa phương mà còn phải tiến hành ở cả các cấp quản lý, các đơn vị và đối tượng kinh doanh tại điểm du lịch sinh thái bằng nhiều hình thức như: tổ chức cuộc vận động, phổ biến văn bản hướng dẫn, phát hành ấn phẩm, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, chiếu phim, hay thông qua việc thuyết minh về bảo vệ môi trường của các hướng dẫn viên du lịch. Để du lịch sinh thái thực sự đóng góp hiệu quả vào công tác bảo vệ môi trường thì một yếu tố quan trọng là sự hưởng ứng và tham gia nhiệt tình của cộng đồng địa phương. Người dân địa phương sẽ không hợp tác vào quá trình phát triển du lịch sinh thái nếu họ không nhận được lợi ích từ loại hình du lịch này. Chính vì vậy cần gắn kết phát triển du lịch sinh thái với sự phát triển của cộng đồng dân cư, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, qua đó giúp họ nâng cao nhận thức về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường du lịch nhằm đảm bảo sinh kế lâu dài, bền vững.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường quy định

6. Hiện trạng sử dụng đất:

- Trong quá trình thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng đến một số diện tích đất như đất rừng, đất nông nghiệp, đất trồng lúa, đất ở,... và tài sản trên đất như: hàng rào, cây ăn quả, cây mỳ, cây keo.....của người dân. Vì vậy cần phải thực hiện công tác đền bù, GPMB, tái định cư.

- Phương án phóng mặt bằng, tái định cư được thực hiện theo Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi

trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Đặc điểm địa hình:

Nằm trong khu vực có địa hình phức tạp của tỉnh Kon Tum. Nhìn chung địa hình của huyện cao ở phía Đông - Bắc và Tây - Tây Nam. Địa hình chia cắt phức tạp với nhiều đỉnh núi cao từ 1.000m - 2.218m, thoải nghiêng dần về phía Đông - Nam với những vùng khá bằng phẳng, chia cắt nhẹ, có dạng lượn sóng. Độ dốc các sườn núi từ 150 đến 250. Địa hình của huyện được chia thành 3 dạng chính:

- Địa hình đồi núi cao: Đây là dạng địa hình chủ yếu của huyện có độ cao từ 1.500- 2.218m, với các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây nam. Địa hình chia cắt hiểm trở và có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam. Ở phía Đông thuộc xã Ngọc Linh có các đỉnh núi cao như: Ngọc Pí (2.218m), Ngọc Ri (1.894m), xã Ngọc Linh có đỉnh Ngọc Linh (2.603m). Ở phía Tây Quốc lộ 14 thuộc các xã Đăk Pék, Đăk Nhoong, Đăk KRoong, Đăk Long có dãy núi cao gồm các đỉnh như: Núi Peng Buk (1.560m), Núi Bolck (1.228m).

- Địa hình đồi núi trung bình: Nằm trong khu vực có độ cao từ 600 - 800m, bao gồm các dãy đồi núi thấp tiếp giáp giữa vùng núi cao và vùng thấp trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện, dọc 2 bên quốc lộ 14.

- Địa hình đồi núi thấp: Dạng địa hình này phân bố ở khu vực có độ cao từ 480 - 550m, tập trung nhiều ở khu vực hạ lưu suối Đăk Lôi, Đăk Mắm và số ít dọc suối Đăk Na. Đây là dạng địa hình được bồi tụ ở hạ lưu sông suối nên khá bằng phẳng, tạo thành các dải đồng bằng hẹp dọc hai bên suối.

8. Địa chất thủy văn và địa chất công trình:

- Nguồn nước mặt: Bao gồm nước mưa và nước trong hệ thống sông suối trên địa bàn Huyện, nhưng chủ yếu là nguồn nước các sông, suối cung cấp. Với lượng mưa trung bình năm 2100-2600 mm, nên nhìn chung nguồn nước mặt của Huyện khá lớn, được phân bố đều trong các xã, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, do hệ thống sông suối nhỏ hẹp, sườn có độ dốc lớn nên khả năng giữ nước rất hạn chế.

- Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm Đăk Glei tương đối dồi dào về trữ lượng, chất lượng nước ngầm tốt do thảm thực vật, độ che phủ cao, mực nước ngầm cao (mạch nước ngầm nông) phục vụ tốt cho sinh hoạt và tưới tiêu của nhân dân. Ở các xã vùng thấp, mạch nước ngầm có độ sâu từ 10-15m, lưu lượng nước cấp 15-20 m³/giây.

9. Đặc điểm khí hậu, thời tiết:

Huyện Đăk Glei nằm trong vùng khí hậu núi cao và cao nguyên phía Đông Bắc tỉnh, với các yếu tố khí hậu đặc trưng như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20⁰C, nhiệt độ trung bình tháng cao nhất 32,5⁰C (tháng 4), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất 7⁰C (tháng 1), chênh lệch nhiệt độ giữa ngày đêm từ 7 - 16,5⁰C. Do đặc điểm địa hình nên ở những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình nhiều năm 2.100 - 2.600 mm và theo xu thế càng lên vùng phía Bắc thì lượng mưa càng lớn. Chế độ mưa chia thành hai mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới trên 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa cực đại vào các tháng 7 - 9 và thường gây lũ quét, úng cục bộ.

+ Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Thời gian này có gió mùa Đông Bắc thịnh hành tăng thêm sự khô hạn và gây thiếu nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trong huyện.

- Chế độ ẩm: Tại huyện Đăk Glei có địa hình núi cao, mưa nhiều do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực phía Tây Nam huyện. Qua nhiều năm độ ẩm không khí trung bình năm 89%.

- Lượng bốc hơi nước: Lượng bốc hơi trung bình nhiều năm khoảng 1.000mm/năm. Các tháng có lượng bốc hơi lớn nhất từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, lượng bốc hơi trung bình từ 90 - 100 mm/tháng. Tổng lượng bốc hơi trong các tháng mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau khoảng 500 mm. Điều đó chứng tỏ mức độ khô hạn tại khu vực huyện Đăk Glei nhẹ hơn các khu vực khác trong Tỉnh Kon Tum.

- Chế độ gió: Gió thịnh hành chủ yếu theo hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam:

+ Gió Đông Bắc xuất hiện khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,5 - 5,4 m/s.

+ Gió Tây và Tây Nam xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, tốc độ gió từ 1,2 - 2,5m/s.

2. Vùng ảnh hưởng của tuyến đường

Tuyến đường được đầu tư sẽ tạo điều kiện đi lại thuận lợi cho người dân.

- Đảm bảo giao thông thông suốt trên toàn tuyến.

- Đường từ trung tâm xã đi 02 thôn Tân Út và Tân Rát là tuyến đường quan trọng, tuyến giao thông nối liền 02 thôn Tân Út và Tân Rát đến trung tâm xã và huyện Đăk Glei.

- Đẩy mạnh vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm giữa các tỉnh.

- Việc giao thông giữa các tỉnh được thuận lợi, giải quyết được việc vận chuyển lương thực, thực phẩm được an toàn và thuận tiện.

Đầu tư xây dựng tuyến đường góp phần hoàn thiện hệ thống giao thông khu vực huyện Đăk Glei và xã Ngọc Linh của huyện, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực, ổn định an ninh chính trị trên địa bàn.

Tóm lại: Với những nội dung về mặt quốc phòng như trên, việc xây dựng Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei là điều hết sức cần thiết để tăng cường cho công tác an ninh quốc phòng của khu vực.

II. HIỆN TRẠNG GIAO THÔNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Hiện Trạng.

Huyện có 02 tuyến đường giao thông chính:

- Trục tỉnh lộ 672: Giao với Quốc lộ 40B tại Km161 đi xã Măng Ri, kết nối với Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Tu Mơ Rông - Ngọc Linh - Ngok Linh bắt đầu từ Ngọc Hoàng - Măng Bút, huyện KonPlong (KonTum) đi qua xã Ngọc Yêu, xã Tu Mơ Rông, xã Tê Xăng, xã Măng Ry đến Ngọc Linh - Ngok Linh, huyện Đắk Glei (KonTum) và ra đường Hồ Chí Minh.

Tỉnh lộ 673 và đường Hồ Chí Minh với khoảng cách di chuyển 38km.

2. Định hướng phát triển: Phần đầu xây dựng các tuyến đường này đều đạt cấp V, nhựa hóa 100%. Công trình trên tuyến vĩnh cửu.

III. HIỆN TRẠNG TUYẾN ĐƯỜNG

- Hiện nay, người dân trên địa bàn lưu thông từ thôn làng xuống xã Ngọc Linh và các xã lân cận (Đăk Choong, Ngọc Linh và Thị trấn Đắk Glei) là tương đối lớn, thông qua đường bê tông và đường đất được UBND xã Ngọc Linh làm chủ đầu tư xây dựng mới từ năm 2014 đến năm 2017 bằng nhiều nguồn vốn khác nhau hiện trạng mặt đường rộng 3.5 ->4m nền đường 4->5m. Tuy nhiên, trong những năm qua, đường từ 02 thôn Tân Út và Tân Rát đi xuống xã đã xuống cấp nghiêm trọng, bong tróc, nứt gãy mặt đường hiện trạng, liên tục bị sạt lở khi có mưa bão, gây ách tắc giao thông, nhất là các khe suối chưa được đầu tư cầu cống và khó khăn trong việc tiếp tế lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm cho bà con nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại các thôn, làng xã Ngọc Linh.

- Hiện trạng mặt đường các nhánh tuyến bê tông bị hư hỏng, bong tróc hoàn toàn có 1 số đoạn cũng đã xuống cấp trầm trọng, với nhiều đoạn sụt lún, mặt đường bong tróc, lồi lõm, gồ ghề đá.

- Hiện trạng có 1 số đoạn là nền đường đất.

- Hệ thống thoát nước dọc:

+ Hiện trạng hệ thống thoát nước dọc trên tuyến đã có nhưng đa số bị đất đá vùi lấp hoàn toàn, tắt nghẽn thoát nước, khiến cho nước mặt tràn lên nền mặt đường. Do đó cần có phương án nạo vét toàn bộ rãnh dọc trên tuyến.

+ Một số đoạn có rãnh dọc gia cố bê tông xi măng nhưng bị hư hỏng, xói lở, rạn nứt, không còn sử dụng được. Một số đoạn còn sử dụng tốt nhưng bị vùi lấp hoàn toàn.

- Hệ thống thoát nước ngang:

+ Hiện trạng hệ thống thoát nước ngang trên tuyến đã được đầu tư xây dựng. Tuy nhiên một số còn sử dụng tốt, một số bị hư hỏng nặng, xói lở. Có một số cống bị vùi lấp.

+ Một số vị trí cống dọc đường giao chưa có trên tuyến tại các vị trí ngã 3, ngã 4.

* Hệ thống an toàn giao thông (cọc tiêu, biển báo, hộ lan mềm...): chưa được đầu tư hoàn thiện.

IV. TÌNH HÌNH MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG KHU VỰC HUYỆN ĐẮK GLEI

Cũng giống như các huyện khác thuộc tỉnh Kon Tum, huyện Đăk Glei giao thông đường bộ là phương thức duy nhất phục vụ cho nhu cầu vận tải và đi lại của người dân nơi đây.

Ưu tiên đầu tư nâng cấp các công trình giao thông đến trung tâm xã, trung tâm cụm xã, các công trình giao thông nông thôn phục vụ phát triển các khu sản xuất, Nhưng mạng lưới đường giao thông giữa các trung tâm cụm xã chưa được nâng cấp đầu tư đúng mức nên chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Phát triển mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn huyện bao gồm 3 hệ thống chính. Hệ thống Tỉnh lộ, hệ thống huyện lộ, hệ thống giao thông nông thôn. Luận chứng các hạng mục đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Hệ thống tỉnh lộ: Quan điểm đầu tư các tuyến đường này là phần đầu đến năm 2014 tất cả đều đạt cấp V-IV, nhựa hóa 100%. Công trình trên tuyến vĩnh cửu.

- Dự án đường Nam Quảng Nam, Đường Ngọc Hoàng - Măng Bút - Đăk Glei - Ngọc Linh: Đây là dự án xây dựng tuyến giao thông nhằm thiết lập mối quan hệ phát triển kinh tế - xã hội.

- Hệ thống đường xã: Bao gồm các tuyến đường trong nội bộ xã, từ thôn này sang thôn khác trong một xã và từ thôn này sang thôn khác giữa các xã với nhau. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 hầu hết đều đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại A và B. Đối với một số tuyến đường giao thông nối giữa các thôn có dân số đông, tập trung hoặc nối các vùng nguyên liệu tập trung. Nối từ trung tâm xã đến các thôn, các vùng sản xuất thì nhất thiết phải đạt tiêu chuẩn đường nông thôn loại A, đảm bảo cho xe cơ giới có thể lưu thông, các tuyến còn lại đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, đảm bảo cho các loại xe công nông, xe thô sơ đi lại được.

V. CÁC QUI HOẠCH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN

Trên cơ sở đường lối, chủ trương chung của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp - nông thôn và trên cơ sở định hướng quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của huyện, việc xây dựng Quy hoạch giao thông vận tải huyện được dựa trên một số quan điểm chính sau đây:

- Trong việc xây dựng hạ tầng “Giao thông vận tải phải đi trước một bước”; Việc cải tạo giao thông nông thôn sẽ góp phần cải thiện khả năng tiếp cận của người dân nông thôn tới các cơ sở kinh tế và văn hóa, tới các nguồn hàng hóa và dịch vụ, tới các trung tâm xã trong mọi điều kiện thời tiết.

- Phát triển giao thông nông thôn phải đảm bảo rằng, việc mở rộng mạng lưới đường không làm phá hỏng môi trường sinh thái.

- Phát triển giao thông nông thôn phải đảm bảo yêu cầu sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ở địa bàn huyện.

- Phát triển giao thông nông thôn cần được thực hiện theo quy hoạch, quy trình và ưu tiên đầu tư phù hợp với các điều kiện cho phép và nguồn vốn đầu tư có thể.

1. Mục tiêu của quy hoạch GTVT huyện

- Hệ thống giao thông nông thôn của huyện bao gồm các đường huyện, đường xã và đường thôn xóm, các tuyến đường nhỏ, đường mòn và đường sông, hồ địa phương. Tuy nhiên, trên địa bàn huyện còn có cả đường tỉnh lộ là những tuyến đường kết nối

quan trọng trong mạng lưới đường nông thôn của huyện. Mục tiêu chủ yếu trong giai đoạn quy hoạch dự kiến như sau.

- Mục tiêu hàng đầu là cần nâng cấp các tuyến đường (đang ở trong tình trạng xấu) để đảm bảo sự đi lại được trong mọi điều kiện thời tiết, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, cũng như trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

- Các tuyến đường tỉnh, quốc lộ đi qua địa bàn huyện sẽ được nâng cấp trong những năm gần nhất.

- Xây dựng các bến xe khách, đảm bảo giao thông vận tải an toàn và hợp lý.

- Dự kiến sẽ cải tạo và xây dựng được một hệ thống đường giao thông nông thôn của huyện đảm bảo đạt được mức độ tối thiểu: 100% xã có đường đến được trung tâm cả 2 mùa; 10% đường được trải nhựa, 20% đường cấp phối và các công trình cầu cống, rãnh thoát nước được xây dựng kiên cố.

- Tiếp tục nâng cấp các tuyến đường huyện, đường liên xã đạt mức độ tiêu chuẩn cao hơn và bắt đầu chú trọng nâng cấp các tuyến đường nhỏ, đường mòn, đường thôn bản để đảm bảo nhu cầu tiếp cận của người dân ở vùng sâu, vùng xa được tốt hơn.

2. Quy hoạch mạng lưới giao thông đến năm 2030.

Định hướng quy hoạch GTVT của huyện đến năm 2030 là giai đoạn hoàn thiện mạng lưới đường giao thông nông thôn.

- Hoàn thành chương trình về xây dựng và cải tạo các đường tiếp cận cơ bản đáp ứng nhu cầu giao thông nông thôn.

- Đường huyện lộ sẽ được duy tu bảo dưỡng để đảm bảo chất lượng đường cấp V.

- Các tuyến đường liên xã, thôn sẽ được trải nhựa dần, đến năm 2030 đảm bảo 100% tuyến đường liên thôn được nhựa hóa.

- Tăng cường năng lực và trách nhiệm trong công việc quy hoạch mạng lưới đường nông thôn. Tiến hành lập quy hoạch tổng thể giao thông nông thôn của huyện cho giai đoạn sau để phát triển toàn diện khả năng nối tiếp của mạng lưới đường.

VIII. SỰ PHÙ HỢP VỚI QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

- *Về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội:* Đảm bảo phù hợp theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội huyện Đắk Glei đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 09/12/2013.

- *Về quy hoạch xây dựng:* Đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- *Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:* Đảm bảo.

IX. KẾT LUẬN SỰ CẦN THIẾT PHẢI ĐẦU TƯ

Đắk Glei là huyện biên giới phía Bắc của tỉnh Kon Tum, có địa hình chia cắt phức tạp. Hiện nay, người dân trên địa bàn lưu thông từ làng xuống xã Ngọc Linh và các xã lân cận (Đắk Choong, Ngọc Linh và Thị trấn Đắk Glei) là tương đối lớn, thông qua đường mòn hiện trạng. Tuy nhiên, trong những năm qua, các tuyến đường từ trung tâm xã đi 02 thôn Tân Út và Tân Rát đã xuống cấp nghiêm trọng, đường liên tục bị sạt lở khi có mưa bão, gây ách tắc giao thông, nhất là các khe suối chưa được đầu tư cầu cống và khó khăn trong việc tiếp tế lương thực, thực phẩm và nhu yếu phẩm cho bà con nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại các làng xã Ngọc Linh.

Nhằm từng bước xây dựng mạng lưới giao thông hoàn chỉnh trong khu vực, phục vụ nhân dân đi lại được thuận lợi (đặc biệt giữa các làng xã Ngọc Linh) tạo điều kiện để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội liên vùng, nâng cao đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng. Mặt khác khi đầu tư xây dựng tuyến đường này sẽ thuận lợi cho nhân dân trong vùng dự án..

Góp phần từng bước phân bố lại dân cư trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt sản xuất của nhân dân địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời Dự án được thực hiện sẽ góp phần từng bước hoàn thiện mạng lưới đường giao thông trên địa bàn huyện theo quy hoạch.

Tạo điều kiện cho người dân nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống, giải quyết việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, các cấp chính quyền thuận lợi trong công tác quản lý, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, thiên nhiên, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực.

CHƯƠNG 3

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN KHU VỰC TUYẾN ĐI QUA

I. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH

Nằm trong khu vực có địa hình phức tạp của tỉnh Kon Tum. Nhìn chung địa hình của huyện cao ở phía Đông - Bắc và Tây - Tây Nam. Địa hình chia cắt phức tạp với nhiều đỉnh núi cao từ 1.000m - 2.218m, thoải nghiêng dần về phía Đông - Nam với những vùng khá bằng phẳng, chia cắt nhẹ, có dạng lượn sóng. Độ dốc các sườn núi từ 150 đến 250. Địa hình của huyện được chia thành 3 dạng chính:

- Địa hình đồi núi cao: Đây là dạng địa hình chủ yếu của huyện có độ cao từ 1.500- 2.218m, với các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây nam. Địa hình chia cắt hiểm trở và có xu hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam. Ở phía Đông thuộc xã Ngọc Linh có các đỉnh núi cao như: Ngọc Pí (2.218m), Ngọc Ri (1.894m), xã Ngọc Linh có đỉnh Ngọc Linh (2.603m). Ở phía Tây Quốc lộ 14 thuộc các xã Đăk Pék, Đăk Nhoong, Đăk KRoong, Đăk Long có dãy núi cao gồm các đỉnh như: Núi Peng Buk (1.560m), Núi Bolck (1.228m).

- Địa hình đồi núi trung bình: Nằm trong khu vực có độ cao từ 600 - 800m, bao gồm các dãy đồi núi thấp tiếp giáp giữa vùng núi cao và vùng thấp trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện, dọc 2 bên quốc lộ 14.

- Địa hình đồi núi thấp: Dạng địa hình này phân bố ở khu vực có độ cao từ 480 - 550m, tập trung nhiều ở khu vực hạ lưu suối Đăk Lôi, Đăk Mắm và số ít dọc suối Đăk Na. Đây là dạng địa hình được bồi tụ ở hạ lưu sông suối nên khá bằng phẳng, tạo thành các dải đồng bằng hẹp dọc hai bên suối.

II. CÁC ĐẶC ĐIỂM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Huyện Đăk Glei nằm trong vùng khí hậu núi cao và cao nguyên phía Đông Bắc tỉnh, với các yếu tố khí hậu đặc trưng như sau:

- Nhiệt độ: Nhiệt độ trung bình năm khoảng 20°C , nhiệt độ trung bình tháng cao nhất $32,5^{\circ}\text{C}$ (tháng 4), nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất 7°C (tháng 1), chênh lệch nhiệt độ giữa ngày đêm từ $7 - 16,5^{\circ}\text{C}$. Do đặc điểm địa hình nên ở những nơi thung lũng hẹp khuất gió nhiệt độ tăng cao về ban ngày và thấp về ban đêm.

- Chế độ mưa: Lượng mưa trung bình nhiều năm 2.100 - 2.600 mm và theo xu thế càng lên vùng phía Bắc thì lượng mưa càng lớn. Chế độ mưa chia thành hai mùa rõ rệt:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới trên 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa cực đại vào các tháng 7 - 9 và thường gây lũ quét, úng cục bộ.

+ Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Thời gian này có gió mùa Đông Bắc thịnh hành tăng thêm sự khô hạn và gây thiếu nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp trong huyện.

- Chế độ ẩm: Tại huyện Đăk Glei có địa hình núi cao, mưa nhiều do vậy có độ ẩm lớn hơn khu vực phía Tây Nam huyện. Qua nhiều năm độ ẩm không khí trung bình năm 89%.

- Lượng bốc hơi nước: Lượng bốc hơi trung bình nhiều năm khoảng 1.000mm/năm. Các tháng có lượng bốc hơi lớn nhất từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau, lượng bốc hơi trung bình từ 90 - 100 mm/tháng. Tổng lượng bốc hơi trong các tháng mùa khô từ tháng 12 tới tháng 4 năm sau khoảng 500 mm. Điều đó chứng tỏ mức độ khô hạn tại khu vực huyện Đăk Glei nhẹ hơn các khu vực khác trong Tỉnh Kon Tum.

- Chế độ gió: Gió thịnh hành chủ yếu theo hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam:

+ Gió Đông Bắc xuất hiện khoảng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,5 - 5,4 m/s.

+ Gió Tây và Tây Nam xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 11, tốc độ gió từ 1,2 - 2,5m/s.

2. Thủy văn

- Nguồn nước mặt: Bao gồm nước mưa và nước trong hệ thống sông suối trên địa bàn Huyện, nhưng chủ yếu là nguồn nước các sông, suối cung cấp. Với lượng mưa trung bình năm 2100-2600 mm, nên nhìn chung nguồn nước mặt của Huyện khá lớn, được phân bố đều trong các xã, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế và sinh hoạt của nhân dân. Tuy nhiên, do hệ thống sông suối nhỏ hẹp, sườn có độ dốc lớn nên khả năng giữ nước rất hạn chế.

- Nguồn nước ngầm: Nguồn nước ngầm Đăk Glei tương đối dồi dào về trữ lượng, chất lượng nước ngầm tốt do thảm thực vật, độ che phủ cao, mực nước ngầm cao (mạch nước ngầm nông) phục vụ tốt cho sinh hoạt và tưới tiêu của nhân dân. Ở các xã vùng thấp, mạch nước ngầm có độ sâu từ 10-15m, lưu lượng nước cấp 15-20 m³/giờ.

3. Địa chất công trình: Khu vực công trình quan sát lộ thiên cho thấy địa chất dọc tuyến ổn định, không cần biện pháp xử lý đặc biệt nào.

CHƯƠNG 4

QUI MÔ XÂY DỰNG, TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ CÁC GIẢI PHÁP THIẾT KẾ

I. CÁC QUI TRÌNH, QUI PHẠM ÁP DỤNG

1. Qui trình khảo sát

- Quy trình khảo sát đường ô tô: 22TCN 263-2000.
- Quy phạm đo tam giác và thủy chuẩn kỹ thuật.
- Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437-2012.
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình, yêu cầu chung: TCVN 9398:2012.
- Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN 43-90.
- Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm: TCVN 4195: 2012-/- TCVN 4202:2012.
- Quy trình xác định chỉ số CBR: 22TCN 332-2006.
- Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời rạc tại hiện trường.- Quy trình đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm: 22TCN 333-2006.
- Đất xây dựng - Phương pháp lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu: TCVN 2683:2012.

2. Quy trình thiết kế, thi công

- Đường ô tô - yêu cầu thiết kế: TCVN 4054 - 2005 (tham khảo).
 - Đường giao thông nông thôn-yêu cầu thiết kế TCVN 10380-2014.
 - Thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017.
 - Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN 272-05.
 - Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn (tham khảo) 22TCN18-79.
 - Quy trình thi công và nghiệm thu móng cấp phối đá dăm: TCVN 8859 -2011.
 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu TCVN9436:2012.
 - Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN4447:2012.
 - Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu TCVN9361:2012.
 - Quyết định số 3230/QĐ-BGTVT ngày 14/12/2012 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành quy định tạm thời về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong công trình xây dựng giao thông.
 - Quyết định số 932/QĐ-BGTVT ngày 18/07/2022 của Bộ giao thông vận tải về việc ban hành hướng dẫn thực hiện tiêu chí về giao thông thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT.
- Và các quy trình thí nghiệm, thi công và nghiệm thu khác đang hiện hành...

3. Tài liệu tham khảo

- Đề cương, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được duyệt và các qui định kỹ thuật của dự án.

- Các kết quả điều tra kinh tế, xã hội, khảo sát hiện trường địa hình, thủy văn... do Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Nam Long thực hiện.

II. QUY MÔ XÂY DỰNG:

Trên cơ sở hiện trạng mặt đường cũ, tiến hành thiết kế sửa chữa, cải tạo mặt đường, đảm bảo giao thông, đảm bảo các thông số kỹ thuật hiện hữu, kết cấu mặt đường bê tông xi măng .

III. TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT:

III.1. Loại và cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Cấp IV (Thông tư 06/2021/TT-BXD ngày 30/06/2021 của Bộ xây dựng).

III.2. Nhóm dự án: Nhóm C

III.3. Qui mô xây dựng:

a. Tuyến Chính (N1, N6);

- Cấp đường: Đường giao thông nông thôn cấp B (theo TCVN 10380-2014).

- Chiều dài tuyến chính: $L=4,2$ Km.

- Tốc độ tính toán: $V=20$ km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n=5,0$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,5$ m.

- Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc}=2 \times 0,75 \text{m} = 1,5$ m.

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: $R_{min}=20$ m.

- Độ dốc dọc tối đa: (Theo độ dốc hiện trạng mặt đường cũ).

- Độ dốc mái taluy nền đào 1:1 đến 1:0.3; mái taluy nền đắp 1:1,5.

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m=2\%$; lề gia cố $i_l=2\%$.

- Tải trọng thiết kế mặt đường: Trục xe 2,5 tấn (kiểm toán xe vượt tải trục 6 tấn).

- Tần suất lũ thiết kế nền đường: $P=10\%$.

- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Mặt đường và lề gia cố bằng bê tông xi măng M250, đá 1x2, dày 18cm. (Tận dụng lớp mặt đường cũ làm móng mặt đường). Tại những đoạn mặt đường hư hỏng hoàn toàn làm lớp móng CPDD Dmax 25 dày 12cm.

b. Tuyến Nhánh:

b.1. Tuyến Nhánh 2+3+4+5+7:

- Cấp đường: Đường giao thông nông thôn cấp C (theo TCVN 10380-2014).

- Chiều dài tuyến nhánh: $L=1,7$ Km.

- Tốc độ tính toán: $V=15$ km/h.

- Bề rộng nền đường: $B_n=4,0$ m.

- Bề rộng mặt đường: $B_m=3,0$ m.

- Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc}=2 \times 0,5m=1,0m$.
- Bán kính đường cong nằm tối thiểu: $R_{min}=15m$.
- Độ dốc dọc tối đa: (Theo độ dốc hiện trạng mặt đường cũ).
- Độ dốc mái taluy nền đào 1:1 đến 1:0.3; mái taluy nền đắp 1:1,5.
- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m=2\%$; lề gia cố $i_l=2\%$.
- Tải trọng thiết kế mặt đường: Trục xe 2,5 tấn (kiểm toán xe vượt tải trục 6 tấn).
- Tần suất lũ thiết kế nền đường: $P=10\%$.
- Kết cấu mặt đường và lề gia cố: Mặt đường và lề gia cố bằng bê tông xi măng M250, đá 1x2, dày 18cm. (Tận dụng lớp mặt đường cũ làm móng mặt đường). Tại những đoạn mặt đường hư hỏng hoàn toàn, đoạn đường đất làm lớp móng CPDD D_{max} 25 dày 12cm.

IV. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ:

Giữ nguyên bình đồ, trắc dọc, trắc ngang, chỉ thiết kế sửa chữa mặt đường cũ bị hư hỏng với giải pháp kết cấu như sau:

1. Hướng tuyến:

Bình đồ tuyến thiết kế bám hoàn toàn theo đường cũ hiện có.

2. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến đường cơ bản bám theo trắc dọc hiện trạng, chỉ tăng cường gia cố mặt đường mặt đường hiện trạng hư hỏng. Riêng những đoạn mặt đường bị sạt lở, lớp móng bị lún võng, trắc dọc được thiết kế tăng cường mặt bê tông xi măng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

3. Cắt ngang:

- Nền đường đầm chặt $K \geq 0,95$.
- Taluy mái đào 1:1, taluy mái đắp 1:1,5.
- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 5,0m$. (Tuyến Chính)
- Bề rộng nền đường: $B_{nền} = 4,0m$. (Tuyến nhánh)

4 Thiết kế mặt đường: Tùy theo hư hỏng của mặt đường hiện trạng mà mặt đường sửa chữa có kết cấu khác nhau cụ thể:

* Kết cấu mặt, lề đường: có 3 loại

- Kết cấu loại 1: Đối với các đoạn mặt đường btxm hiện trạng cũ bị bong tróc lớp mặt (tận dụng kết cấu mặt đường cũ làm lớp móng mặt đường) với các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp BTXM M250, đá 1x2, dày 18cm;
- + Lót 1 lớp giấy dầu.
- + Tận dụng mặt đường láng nhựa cũ làm lớp móng.

- Kết cấu loại 2: Đối với các đoạn mặt đường btxm cũ bị hư hỏng nặng (lún, ổ gà, bong tróc nặng) với các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp BTXM M250, đá 1x2, dày 18cm;

+ Lót 1 lớp giấy dầu.

+ Bù vênh lớp CPĐD Dmax25cm dày 12cm.

- Kết cấu loại 3: Đối với các đoạn nền đường đất hoàn toàn hoặc đoạn mặt cũ đã bị hư hỏng không còn tận dụng mặt bê tông cũ làm lớp móng thì làm lại kết cấu mặt với các lớp từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp BTXM M250, đá 1x2, dày 18cm;

+ Lót 1 lớp giấy dầu.

+ Làm lớp CPĐD Dmax25cm dày 12cm.

+ Cày xới lu lèn khuôn đường K98

* Kết cấu lề: Đắp đất đầm chặt $K \geq 95$. Các đoạn có gia cố lề thì kết cấu bằng kết cấu mặt.

- Bố trí khe co, khe dẫn mặt đường:

+ Khe dẫn cách khoảng 54m/khe, khe dẫn bố trí thanh truyền lực thép D20 cách khoảng 30cm/thanh.

+ Khe co bao gồm khe co giả có thanh truyền lực và khe co giả không có thanh truyền lực. Khe co cách khoảng 4,5m/khe. Khe co giả có thanh truyền lực được bố trí tại 3 khe co liên tiếp trước và sau khe dẫn.

Trình tự bố trí khe co, khe dẫn trên mặt bằng tấm bê tông 54m: khe dẫn→3 khe co có thanh truyền lực→5 khe co giả không có thanh truyền lực→3 khe co có thanh truyền lực→khe dẫn.

5. Thiết kế cống thoát nước ngang và thoát nước dọc:

5.1. Cống thoát nước ngang:

- Vị trí đặt cống và khẩu độ:

+ Đối với các khe tụ thủy: Vị trí đặt cống trùng với vị trí khe sao cho thu được toàn bộ lượng nước phía thượng lưu dồn về đồng thời hạn chế thấp nhất đến xói lở bờ suối và không ảnh hưởng đến nhà cửa, hoa màu, công trình phía hạ lưu; khẩu độ cống tùy thuộc vào số liệu tính toán thủy văn và đường đồ trên trục dọc.

+ Đối với cống cấu tạo: Tại vị trí tuyến cắt qua mương thủy lợi, bố trí cống sao cho đảm bảo lưu lượng tưới liên tục, không bị ách tắc do lắng cát và cỏ rác, dễ duy tu sửa chữa.

- Kết cấu: Tùy điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn tại các vị trí, bố trí cống với dạng mặt cắt ngang gồm cống tròn, cống hộp và cống bản các loại.

+ Đối với cống tròn: Thân cống bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200. Thượng, hạ lưu cống bằng bê tông đá 2x4 M150; Móng, Sân cống bằng bê tông đá 2x4 M150; Gia cố rọ đá (2x1x0,5)m chống xói.

5.2. Thoát nước dọc:

- Đối với các đoạn rãnh dọc hiện trạng: Tận dụng các đoạn rãnh dọc hiện hữu còn tốt, sửa chữa gia cố các đoạn rãnh dọc bị hư hỏng theo kết cấu hiện trạng. Các đoạn rãnh dọc hình thang, kích thước (40x40x120)cm thiết kế bằng tấm đan BTXM đá (1x2)cm M200 lắp ghép kích thước (50x57x7)cm, đáy rãnh BTXM đá (1x2)cm M150 đổ tại chỗ dày 10cm. Đồng thời tại một số vị trí khu dân cư thiết kế rãnh hộp KT(40x60)cm bằng BTXM đá 2x4M150, có đập nắp tấm đan BTCT đá (1x2)cm M200;

- Đối với các đoạn rãnh dọc làm mới: Thiết kế rãnh dọc hình tam giác kích thước (90x30)cm. Gia cố rãnh dọc tại những đoạn có độ dốc dọc lớn, thường xuyên bị xói lở bằng BTXM đá (1x2)cm M150 đổ tại chỗ trên lớp giấy dầu. Các đoạn rãnh dọc còn lại bằng rãnh đất.

6. Thiết kế nút giao, đường giao dân sinh:

- Điểm giao với đường liên thôn Ngọc Linh và các đường dân sinh, đường vào khu sản xuất khác hiện đang khai thác: Thiết kế dạng cùng mức đơn giản, vượt nổi với bán kính góc giao R=10m-15m

- Kết cấu mặt đường vượt nổi tại các nút giao, đường nhánh như kết cấu mặt đường chính.

7. An toàn giao thông:

Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến đã có nhưng hư hỏng và đổ gãy, một số vị trí còn thiếu biển báo, cọc tiêu...cần sửa chữa, bổ sung và làm mới cho đầy đủ, đảm bảo an toàn. Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT. (có bảng thống kê kèm theo)

CHƯƠNG 5

BIỆN PHÁP THI CÔNG TỔNG THỂ

I. BIỆN PHÁP THI CÔNG TỔNG THỂ:

1. Nguồn cung cấp vật liệu

Nhằm phục vụ công tác thi công, chúng tôi đã tiến hành khảo sát các mỏ vật liệu xây dựng để phục vụ công trình bao gồm các mỏ sau:

- Cát lấy huyện Đắk Glei tại mỏ Km1428 đường HCM.
- Đá các loại lấy huyện Đắk Glei tại mỏ thôn Đắk Pôi, Km1442 HCM.
- Xi măng, sắt thép: Lấy tại thị trấn Đắk Glei.
- Nhựa đường, ván khuôn, các vật liệu khác: Lấy tại thành phố Kon Tum.
- Đất đắp tận dụng đất đào trên tuyến.

2. Hướng thi công: Hướng thi công xác định từ đầu tuyến đến cuối tuyến.

3. Công tác chuẩn bị

San ủi tạo mặt bằng, làm lán trại, nhà kho, tập kết vật liệu, xe máy, nhân lực.
Định vị tim tuyến, định vị phạm vi thi công.

4. Trình tự thi công

- Thi công nền đường.
- Thi công công trình thoát nước ngang.
- Thi công móng đường.
- Thi công mặt đường, bảo dưỡng theo quy định.
- Thi công công trình thoát nước dọc.
- Công tác hoàn thiện.

5. Các giải pháp thi công

5.1. Kỹ thuật thi công chủ yếu:

5.1.1. Nền mặt đường:

a/ Yêu cầu kỹ thuật của công tác đất:

+ Di chuyển đất trên mặt nền đường

+ Đất đắp: Đất để đắp nền đường là đất sỏi tự nhiên (đất đồi sỏi sạn) không được lẫn đất hữu cơ, cỏ, rễ cây, bùn. Kích thước của các hạt loại này từ 0,5 đến 10mm. Trước khi khai thác loại đất này phải bóc vỏ lớp đất mặt và khai thác theo chỉ dẫn của kỹ sư giám sát chất lượng công trình.

+ Thi công đắp đất: Đắp đất nền đường phải đắp theo từng lớp và đầm chặt theo tiêu chuẩn. Tùy theo phương tiện thi công mà độ dày mỗi lớp đất đắp trước khi đầm từ 25 - 30cm và dùng lu đầm, Khi đầm lớp sau phải đè lên lớp trước 1/3 vết của lớp trước. Sau khi đầm chặt thử lại 3 mẫu cho 1000m³ vật liệu. Mỗi mẫu thử dù là đầm tay hay đầm máy cũng phải đạt dung trọng khô là $\gamma \geq 1,75 \text{ T/m}^3$ và chỉ số CBR ≥ 6 đối với nền đường. Những thay đổi về tiết diện đắp phải nằm trong dung sai cho phép.

b/ Yêu cầu kỹ thuật đối với các công tác thi công nền:

- Trước khi thi công nền đường phải tiến hành công tác khôi phục cọc, di dời cọc (lên ga) và phải có sơ đồ dời cọc.

- Trục đường không được xê dịch khỏi tuyến qui định, bất kỳ sự thay đổi nào cũng phải có ý kiến của kỹ sư giám sát và thiết kế. Nếu các cọc mốc bị xê dịch hoặc bị mất phải xác định lại ngay cho chính xác.

- Khi thi công đất nền đường cần đảm bảo thoát nước tốt. Khi đào nền đường thì phải đào từ thấp đến cao, bề mặt luôn có độ dốc để dễ thoát nước(4%), đồng thời làm rãnh thoát nước khi gặp mưa để đảm bảo nền đường không bị ẩm.

- Đối với nền đường đắp:

+ Trước khi đắp nền đường phải được dọn dẹp sạch sẽ, chặt cây, dây cỏ, đào bỏ gốc cây, bóc bỏ lớp đất hữu cơ, tạp chất.

+ Đất đưa vào đắp phải kiểm tra chất lượng và phải có chứng chỉ thí nghiệm (các chỉ tiêu cơ lý bắt buộc như CBR ≥ 6 ... theo quy trình thi công hiện hành)

+ Đắp đất nền đường theo từng lớp và tùy theo phương tiện thi công mà mỗi lớp có thể dày từ 25 - 30cm, bề mặt các lớp đất yêu cầu phải có độ dốc 1-2% từ tim ra lề đường. Nếu độ ẩm tự nhiên của đất nhỏ hơn độ ẩm tốt nhất thì cần tưới thêm nước

trước khi đầm. Dùng lu để đầm, khi đầm vệt đầm sau phải đè lên vệt đầm trước 1/3 diện tích đáy đầm. Nền đường phải được lu lèn chặt đạt độ chặt K.95

+ Khi đắp trên nền đất có độ dốc tự nhiên lớn (lớn hơn 20%) phải đánh cấp với bề rộng $b = 1$ m. Đối với những nơi diện thi công đủ rộng công tác đắp đất thi công bằng máy: san rải bằng máy san, lu lèn bằng máy lu, đối với những nơi diện thi công hẹp công tác đất đắp bằng nhân lực.

- Đối với nền đường đào:

+ Đào hạ nền bằng máy ủi, máy đào; đào phá taluy bằng máy đào gầu ngược kết hợp với nhân lực; đào lòng đường bằng máy san.

+ Đào khuôn đường, sau khi đào phải sửa sang cho bằng phẳng, tạo mui lượn theo đúng thiết kế và lu lèn nền đào tương ứng với 30cm tính từ đáy lớp cấp phối đá dăm xuống phải đạt độ chặt K.95.

+ Trường hợp sau khi đào đất nền đường không đạt chất lượng (như bị cao lạnh, sét nặng...) thì phải báo cho các bên liên quan cùng xử lý.

5.1.2. Thi công mặt đường BTXM:

Sau khi lớp móng đã xây dựng xong đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật: Độ dốc dọc, độ dốc ngang, độ dốc mui lượn và chiều dày lớp móng được bên A và kỹ sư TVGS đồng ý thì chúng tôi tiến hành lót giấy dầu, thi công lớp mặt BTXM.

* *Đặt ván khuôn:*

- Ván khuôn phải được làm bằng thép và được đặt theo từng dải.

- Ván khuôn phải được đặt đúng vị trí thiết kế: Mặt đỉnh ván khuôn bằng cao độ thiết kế của mặt đường. Vị trí của ván khuôn trên mặt bằng được xác định bằng máy kinh vĩ, cao độ được xác định bằng máy cao đạc thủy bình.

- Sau khi đặt ván khuôn chính xác đúng vị trí về cao độ thiết kế thì phải chèn kín khe hở giữa đáy ván khuôn và mặt đường hiện hữu, cố định ván khuôn bảo đảm ván khuôn không bị xô dịch khi thi công và không bị chảy nước xi măng.

- Ván khuôn đặt xong phải được nghiệm thu theo các chỉ tiêu sau:

+ Sai số cho phép của đỉnh ván khuôn so với cao độ thiết kế của tâm bê tông: ± 3 mm

+ Sai số của vị trí ván khuôn trên mặt bằng: ± 5 mm

+ Ván khuôn phải thẳng đứng, sai số không quá 10^0

+ Ván khuôn phải vững chắc, không xô dịch vị trí khi thiết bị thi công làm việc.

* *Bố trí khe nối:*

Các phụ kiện của khe nối, thanh truyền lực, thanh liên kết, giá đỡ và tấm gỗ đệm của khe co giãn... phải được gia công, bố trí và cố định vị trí đúng theo bản vẽ thiết kế.

* *Đổ bê tông:*

Bê tông xi măng được trộn bằng máy trộn dung tích ≥ 350 L, đổ bê tông đến đâu phải đầm ngay đến đó.

- Dùng đầm dùi (tần suất chấn động > 3500 lần/phút) đầm toàn bộ tấm bê tông. Đầm dùi phải thả thẳng đứng tới 1 độ sâu nhất định, tránh làm hỏng lớp ngăn cách. Thời gian đầm ở mỗi điểm không quá 45 giây, sau đó nâng đầm lên từ từ, tránh tạo thành lỗ và chuyển sang vị trí mới cách vị trí trước đó 1,5 bán kính tác dụng của đầm.

- Dùng đầm bàn (tần suất chấn động > 3500 lần/phút) đầm từ mép ngoài vào giữa. Thời gian đầm tại 1 chỗ khoảng từ 45 – 60 giây. Hai vị trí vệt đầm sau và trước

phải trùm lên nhau khoảng 10cm. Trong khi đầm nếu phát hiện có chỗ cao hoặc thấp thì phải sửa chữa ngay.

- Dùng đầm ngựa (đầm thanh) để đầm lần cuối cùng trên toàn chiều ngang tấm bê tông. Sau khi đầm ngựa đi qua thì bề mặt tấm BTXM bằng cao độ của đỉnh ván khuôn.

- Sau khi công tác đầm kết thúc phải tiến hành ngay việc hoàn thiện bề mặt tấm bê tông.

+ Dùng ống lăn $\phi 100$ nặng 40 kg để gạt bằng sơ bộ bề mặt, sau đó dùng ống lăn nhẹ $\phi 100$ nặng 20 kg gạt phẳng lần cuối.

+ Đầm đến đâu phải gạt phẳng đến đấy, số vữa thừa phải gạt về phía đang đầm, những chỗ lồi lõm nhiều phải gạt đi gạt lại nhiều lần cho đến khi hoàn toàn đạt yêu cầu về độ bằng phẳng mới thôi.

** Tạo nhám:*

Việc tạo nhám mặt đường phải được tiến hành bằng bàn chải mềm ngay sau khi hoàn thiện mặt đường. Bàn chải mềm phải có chiều rộng ít nhất 450mm, được thao tác theo hướng ngang của tấm bê tông tạo thành các vết nhám sâu trung bình khoảng 2mm đều đặn.

** Bảo dưỡng:*

Sau khi tạo nhám, toàn bộ diện tích của bê tông đổ phải được phủ một lớp bảo dưỡng theo một trong các phương pháp sau:

- Bảo dưỡng bằng cát ẩm:

+ Sau khi bê tông đã se mặt, phủ một lớp cát dày 5cm và tưới ẩm trong vòng 7 ngày, mỗi ngày tưới 4 lần (3 lần ban ngày và 1 lần ban đêm).

- Từ ngày thứ 7 đến ngày thứ 14 thì không cần tưới nước nhưng giữ nguyên lớp cát.

+ Nếu nhiệt độ trên 28°C , trời nắng và nhiều gió thì phải che kín bằng mái che trước khi phủ cát.

- Bảo dưỡng bằng bao tải:

Phủ kín toàn bộ mặt dải bê tông mới đổ bằng 1 tấm vải bao tải và tưới nước giữ ẩm trong thời gian 7 ngày như bảo dưỡng cát ẩm.

- Bảo dưỡng bằng màng Pôlyetylen:

Màng pôlyetylen được phủ kín lên bề mặt bê tông ẩm. Nếu bề mặt tấm bê tông bị khô thì phải phun ẩm trước khi phủ lớp pôlyetylen. Giữ lớp phủ kín trong thời gian 7 ngày.

Trong thời gian bảo dưỡng, cấm xe tải đi lại trên tấm bê tông.

** Tháo ván khuôn:*

- Chỉ được tháo ván khuôn sau khi bê tông đạt được 25% cường độ thiết kế.

- Khi tháo ván khuôn phải cẩn thận, không làm sút mẻ góc mép tấm bê tông và phải giữ ván khuôn tốt để quay vòng sử dụng.

5.3. Thi công rãnh dọc và các công trình phụ trợ :

Đổ bê tông rãnh, lắp đặt biển báo được thực hiện sau khi đã hoàn thành các hạng mục đã nêu trên đây.

5.4. Thi công công trình thoát nước.

- Gia công cốt thép + ván khuôn, đổ bê tông tấm đan và bảo dưỡng
- Đào hố móng bằng máy kết hợp thủ công.
- Làm lớp đệm móng, đổ BT móng, thân, lấp đặt tấm đan.
- Đắp đất từng lớp đối xứng hai bên cống, mỗi lớp dày 15 - 20cm, kiểm tra đạt độ chặt rồi mới được đắp lớp tiếp theo.
- Thi công cống phù hợp với qui phạm thi công và nghiệm thu cầu cống 22TCN 266-2000.

II: BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO GIAO THÔNG & AN TOÀN LAO ĐỘNG, ĐẢM BẢO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

1. Đảm bảo vệ sinh môi trường:

Nguyên tắc chung :

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, mặt bằng thi công toàn công trường phải luôn được tổ chức thu xếp gọn gàng theo từng khu vực.
- Giảm thiểu việc sử dụng các máy móc thiết bị gây ồn.
- Tưới ẩm vật liệu, tuân thủ qui trình thi công, tránh gây bụi.
- Hoàn trả lại mặt bằng xây dựng cho các phân phụ tạm, nhà kho, mặt bằng tại vị trí khai thác vật liệu đã thi công khi hoàn thiện công trình.
- Giải phóng và san bằng những ụ đất thừa trong quá trình thi công.
- Những thành phần vật liệu, đất thải nạo vét từ hố móng không sử dụng cho việc đắp trả lại cho công trình sẽ được vận chuyển đến nơi qui định, không làm ảnh hưởng đến diện tích canh tác trong khu vực.
 - Tuyệt đối không để các chất thải có khả năng ảnh hưởng xấu đến cây trồng như Xăng, Dầu, Nhớt xả... xâm nhập vào nguồn nước tưới, ao hồ, sông, suối, trong khu vực. Khoảng cách bố trí nhà kho, xe máy và vật liệu đến nguồn nước tối thiểu là 50m.
 - Tập kết vật liệu đến chân công trình dùng xe ô tô phải tủ bạt, che kín thùng, không để vật liệu rơi rớt dọc đường vận chuyển. Tại khu vực đông dân cư phải hạn chế tốc độ xe thi công chạy đến mức thấp nhất để hạn chế việc gây bụi, ô nhiễm môi trường.
 - Trường hợp có đoạn tuyến dài, thời điểm cần tập kết nhiều vật tư thiết bị dẫn đến lưu lượng xe lớn. Đơn vị phải dùng xe tạt nước tưới ẩm mặt đường chống bụi và đảm bảo tiến độ thi công.
 - Sau khi thi công xong công trình, cùng với việc hoàn thiện tạo dáng cho công trình, mặt bằng thi công phải được dọn dẹp gọn ghẽ, hoàn trả lại tốt hơn so với ban đầu đảm bảo sự phát triển bình thường trong khu vực.
 - Khi chuyển quân, lán trại tạm được làm theo kiểu lắp ráp dễ di chuyển, biện pháp thi công đơn giản. Trước khi chuyển đi nơi khác, lán trại tạm, nhà kho phải được dỡ dọn cùng với việc làm vệ sinh trong khu vực, xử lý rác thải trong quá trình thi công để lại.
 - Khối lượng đất đào thừa đổ đi được vận chuyển đổ đúng nơi quy định, không được thải lán vào đất lâm nghiệp.
 - Nói tóm lại việc lưu tâm đến vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường là việc làm hết sức cần thiết và không thể thiếu vì đặc điểm công trình này như chúng ta đã biết,

nhằm cải tạo làm thay đổi nhân tạo thiên nhiên, buộc chúng phục vụ lại cho đời sống con người, sự tác động qua lại lúc nào cũng dẫn đến một vài điểm bất lợi ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

2. An toàn lao động:

2.1. Công tác chuẩn bị thi công:

- Trước khi triển khai thi công, tất cả các công nhân đều phải được kiểm tra về an toàn lao động, tất cả các dụng cụ bảo hộ lao động đều cung cấp đầy đủ.
- Chuẩn bị điều kiện làm việc tốt, hợp lý cho công nhân nhằm đảm bảo sức khoẻ.
- Bố trí kho bãi, các xưởng tạm gia công các cấu kiện phục vụ thi công ở công trường phù hợp với kỹ thuật an toàn chống cháy, nổ, lũ lụt, chống sạt lở ...

2.2. Vận chuyển, xếp dỡ vật liệu:

- Khi xếp dỡ vật tư, máy thi công phải có sự hướng dẫn và đồng ý của Cán bộ kỹ thuật, nhân viên phụ trách an toàn lao động.
- Kho bãi đủ điều kiện về ánh sáng, diện tích để xe đậu đỗ thuận tiện, công nhân đi lại dễ dàng.
- Xe chở, bốc dỡ hàng phải được đậu chỗ bằng phẳng, khi bánh xe được chêm chèn chặt mới xếp, dỡ vật liệu.

2.3. Sử dụng máy xây dựng:

- Tất cả các xe máy xây dựng đều phải có đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, trong đó có các thông số cơ bản, hướng dẫn về lắp đặt, vận hành, bảo quản sử dụng và sửa chữa, có sổ giao ca, sổ theo dõi tình trạng kỹ thuật.
- Tuyệt đối lưu ý không để xảy ra các trường hợp như sau:
 - Dùng máy không đúng tính năng kỹ thuật và kỹ thuật an toàn ghi trong hồ sơ kỹ thuật của máy.
 - Dùng máy chưa được kiểm tra, thử nghiệm sau khi ráp máy, máy đã trực trực hư hỏng.
 - Người điều khiển máy chưa qua huấn luyện sử dụng kiểu hoặc loại máy đó nên không hiểu rõ tính năng và cấu tạo của máy, không hiểu kỹ thuật an toàn, không biết điều khiển máy một cách thành thạo.
 - Sự phối hợp giữa các công nhân không ăn khớp, không nhịp nhàng, không tuân theo chế độ làm việc qui định...
 - Chiều sáng chưa tốt...

2.4. Công tác đất:

- Ngừng ngay và di tản công nhân ra khỏi phạm vi hố móng khi phát hiện thấy có mùi hôi lạ, khó ngửi, đề phòng nhiễm khí độc hại.
- Trước và trong khi đào móng phải làm công tác thoát nước mạch, nước mặt, nhổ sạch các bụi cây, tách rễ các cây lớn.
- Chỉ được phép đào vách đứng nhưng không quá 2m đối với đất nguyên thổ có độ ẩm vừa phải, không có mạch nước ngầm và xa vật kiến trúc khác.
- Trong suốt quá trình thi công phải thường xuyên xem xét tình hình vững chắc của vách hố móng, nếu thấy có vết rạn nứt thì phải dừng ngay và có biện pháp xử lý thiết thực.
- Đào đất hố móng gần lối đi, tuyến giao thông trong khu vực dân cư phải có rào ngăn,

biên báo, ban đêm phải có hệ thống đèn báo hiệu.

2.5. Công tác bê tông cốt thép:

- Khu vực gia công cốt thép phải có rào chắn, người không có phận sự không được vào.
- Các khung, bó thép phải đảm bảo chắc chắn khi khiêng, vác trên sàn công tác.
- Việc hàn nối cốt thép cần tuân thủ triệt để biện pháp an toàn về điện.
- Khi đặt máy trộn bê tông phải dùng gỗ rải đều kê ở dưới để phân bố đều và rộng, tải trọng của máy xuống nền đất.
- Không thao tác, sửa chữa máy trộn trong khi máy trộn đang quay.
- Công nhân vận chuyển bê tông, đầm bê tông phải được trang bị tối thiểu găng tay, ủng cao su, khẩu trang để cách nước, cách điện.
- Khi tháo dỡ ván khuôn phải đề phòng ván khuôn nặng rơi xuống, không để khối lượng ván khuôn, đà giáo tập trung lớn trên sàn công tác, đà giáo, tháo dỡ đến đâu xếp dọn và vệ sinh đến đấy...

3. Công tác phòng cháy chữa cháy:

- Công trường thường xuyên tiếp xúc với các vật liệu dễ cháy, nổ như: Nhựa đường, xăng dầu ... Do vậy việc phòng cháy chữa cháy là cần thiết. Sau đây là một vài nguyên tắc cơ bản :
- Truyền đạt ý thức phòng cháy, chữa cháy cho mọi cá nhân trên công trường, luôn có tinh thần cảnh giác cao, ý thức phòng cháy tốt, chấp hành nghiêm chỉnh pháp lệnh phòng cháy, chữa cháy của nhà nước.
- Kho xưởng chứa vật liệu dễ cháy cần có các nội qui cụ thể và các quy định chung về công tác phòng cháy và hệ thống báo động. Có biên báo cấm lửa tại khu vực chứa các chất dễ cháy.
- Cách ly với nơi thường xuyên có lửa.
- Có các dụng cụ phòng cháy để sẵn khi có sự cố xảy ra.

*** Lưu ý:**

- + Đề nghị đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra trước khi thi công các hạng mục công trình, vật liệu thi công phải được kiểm nghiệm, thiết kế thành phần bê tông, thành phần hạt vật liệu, dung trọng đất đắp, dung trọng vật liệu... vv mới được thi công các hạng mục công trình.
- + Nghiệm thu từng hạng mục công trình mới được chuyển sang bước thi công.
- + Trong quá trình thi công nếu có gì sai sót giữa bản vẽ thiết kế và thực tế, đề nghị đơn vị thi công báo cáo cho bên A và tư vấn thiết kế biết để cùng nhau giải quyết.

CHƯƠNG 6

BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH

Sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng công trình phải được bảo trì để đảm bảo an toàn và khai thác lâu dài (ở giai đoạn thiết kế sau, nhà thầu thiết kế xây dựng và nhà thầu cung cấp thiết bị sẽ lập Quy trình bảo trì cho các hạng mục xây dựng theo các quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ). Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình không lập được quy trình bảo trì thì chủ đầu tư có thể thuê tổ chức tư vấn khác có đủ

điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật để lập quy trình bảo trì cho các hạng mục thiết kế và thiết bị). Giai đoạn này chỉ nêu khái quát sơ bộ công tác bảo trì công trình:

* Đối với nền đất: Kiểm tra thường xuyên sự ổn định của đất nền. Sửa chữa và có biện pháp gia cố những đoạn nền bị hư hỏng. Đặc biệt là những vị trí đắp cao, hay khu vực đất yếu nhằm đảm bảo an toàn cho nền đất. Có thể lập các trạm quan trắc để quan sát và đo đạc các thông số kỹ thuật nhằm đánh giá độ ổn định của đất nền.

* Đối với đường giao thông:

Phải dọn dẹp mặt đường đảm bảo an toàn giao thông, giúp mặt đường thoát nước tốt tránh làm cho kết cấu mặt đường bị xuống cấp.

+ Định kì kiểm tra và tiến hành công tác sửa chữa nhỏ: Vá các ổ gà, những đoạn mặt đường bị hư hỏng nhẹ ...

+ Định kì kiểm tra và tiến hành công tác sửa chữa lớn: Thay lại kết cấu mặt đường của đoạn tuyến bị hư hỏng nặng, sửa chữa những đoạn đường bị xói lở...

+ Sau khi hết thời gian phục vụ, đơn vị quản lí phải kiểm tra và cho thay lại kết cấu mặt đường mới.

+ Định kì kiểm tra, nạo vét những đoạn rãnh bị tắc nghẽn, sửa chữa những đoạn rãnh bị hư hỏng không còn đảm bảo thoát nước.

+ Cổng, cầu: Phải được thường xuyên kiểm tra khả năng thoát nước, hiện trạng các bộ phận. Khơi thông cống, cầu khi bị tắc đảm bảo thoát nước tốt, dẫn dòng chảy ở hạ lưu để tránh ảnh hưởng đến khu vực dân cư. Gia cố, thay thế thượng lưu, hạ lưu khi bị xói lở và các bộ phận bị hư hỏng nhằm đảm bảo an toàn cho công trình.

CHƯƠNG 7

TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

I. CÁC CĂN CỨ LẬP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ nghị định 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của chính phủ về việc quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài Chính về việc ban hành mức phí bảo hiểm xây dựng công trình và phí bảo hiểm tư vấn xây dựng. Cụ thể như sau:

Căn cứ Thông tư số: 120/2021/TT-BTC, ngày 24/12/2021 của Bộ Tài Chính “Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về việc công bố Định mức dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD, ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng về việc Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số: 905/2021/ QĐ-UBND, ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc xếp loại đường để xác định cước vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh;

Công văn số 1717/SXD-QLXD ngày 12/10/2021 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Công văn số: 74/SXD-QLXD, ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Sở xây dựng tỉnh Kon Tum Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 74/TB-SXD, ngày 15/07/2022 về giá vật liệu, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Thông báo số 95/TB-SXD, ngày 26/08/2022 về giá vật liệu, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Giá xăng dầu theo công bố giá xăng dầu ngày 12/9/2022

Tham khảo thêm một số công bố giá năm 2021 của Sở Xây Dựng tỉnh Kon Tum và các công bố giá vật liệu năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/03/2019 của Bộ công thương quy định về giá bán điện.

Đối với những loại vật tư, vật liệu đặc chủng không có trong công bố giá lấy giá theo báo giá của nhà sản xuất và Bộ đơn giá xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh

Một số giá vật liệu lấy theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Một số báo giá của nhà sản xuất.

II. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Là phương pháp kết hợp giữa phương pháp a và b trong khoảng 1 điều 6 Nghị định 10/2021/NĐ-CP.

Chi phí xây dựng: Tính theo khối lượng (trong hồ sơ thiết kế BCNCKT) và giá xây dựng công trình quy định tại khoản 1, khoản 2, điều 4, thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng.

Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác được tính theo công văn, quyết định, quy định hiện hành hoặc tạm tính theo tỷ lệ (%).

Chi phí dự phòng: Chi phí dự phòng chỉ tính cho yếu tố phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá.

III. CHI PHÍ XÂY DỰNG

TT	Hạng mục chi phí	Chi phí (VNĐ)
1	Chi phí xây dựng	14.767.885.961
2	Chi phí đền bù GPMB	1.500.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	527.213.529
4	Chi phí tư vấn xây dựng	2.206.402.064
5	Chi phí khác	475.523.068
6	Dự phòng phí	522.975.378
	Tổng cộng:	20.000.000.000

CHƯƠNG 8

TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN ĐỀN BÙ VÀ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

- Trong diện tích xây dựng dự án có nhiều cây ăn quả, đất đang canh tác nông nghiệp của người dân... Vì vậy cần phải thực hiện công tác GPMB, không tái định cư.

- Phương án GPMB & TĐC được thực hiện theo Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của

Chính phủ qui định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Tổ chức thực hiện: Theo quy định hiện hành.

- Trong phạm vi dự án: Chỉ xác định sơ bộ khối lượng đền bù, GPMB, TĐC để có cơ sở lập tổng mức đầu tư. Nội dung và khối lượng chi tiết sẽ được Chủ đầu tư giao cho đơn vị chức năng thực hiện kiểm đếm và lập Phương án bồi thường GPMB theo quy định.

* Rà phá bom mìn: Công trình xây dựng nâng cấp cải tạo nên cần phải thực hiện công tác rà phá bom mìn, vật nổ. Công tác này sẽ do đơn vị chuyên ngành thực hiện.

II. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC DỰ ÁN

Dự án sau khi xây dựng hoàn thành sẽ đưa vào khai thác. Trong quá trình khai thác cơ quan quản lý tuyến đường phải thường xuyên:

- Kiểm tra các đối tượng khi tham gia giao thông trên tuyến đường.
- Thường xuyên kiểm tra sự làm việc của các kết cấu công trình.

III. CÁC BƯỚC THIẾT KẾ

- Thiết kế cơ sở
- Thiết kế bản vẽ thi công

CHƯƠNG 9

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. PHẠM VI NGHIÊN CỨU & QUY TRÌNH, QUY PHẠM ÁP DỤNG

1. Phạm vi nghiên cứu

Những khu vực chịu tác động trực tiếp của tuyến và các vùng chịu tác động gián tiếp.

2 Hệ thống quy trình, quy phạm áp dụng

Quy trình đánh giá tác động môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông 22TCN242-98 của Bộ Giao thông vận tải.

II. DỰ BÁO NHỮNG TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Căn cứ vào bảng 1.2 quy trình 22TCN242-98 các loại tác động môi trường tiềm tàng của dự án xây dựng cầu - đường bộ. Từ điều kiện thực tế của dự án xác định được các loại môi trường cần đánh giá theo bảng sau:

Các loại tác động môi trường tiềm tàng	Nguồn gốc		
	Đặt vị trí (A)	Thi công (B)	Khai thác (C)

Các loại tác động môi trường tiềm tàng	Nguồn gốc		
	Đặt vị trí (A)	Thi công (B)	Khai thác (C)
1. Môi trường đất và xói lở		B1	C1
2. Đời sống cộng đồng và hoạt động kinh tế	A2		
3. Chiếm dụng đất và tái định cư	A3		
4. Tiếng ồn, rung		B4	C4
5. Rủi ro	A5	B5	C5
6. Chất lượng không khí		B6	C6

1. Môi trường đất và xói lở

Sự xuất hiện của tuyến đường có thể làm thay đổi môi trường tự nhiên trong môi trường tiếp nhận dự án điều này làm mâu thuẫn giữa xói lở, bào mòn với sự tồn tại của thảm thực vật hiện hữu tại khu vực thực hiện dự án.

Lượng đất thải có thể tiêu diệt thảm thực vật tại chỗ và tạo thêm xói mòn.

2. Đời sống cộng đồng và các hoạt động kinh tế

Khi dự án được hình thành, hầu hết là tận dụng đường cũ nên chủ yếu là mang lại những mặt tích cực như: Khi cơ sở hạ tầng được cải thiện, điều kiện phát triển kinh tế của khu vực sẽ tăng trưởng nhanh chóng, hàng hoá ở thị trường phong phú hơn, lượng hành khách đi lại sẽ tăng nhanh.

3. Chiếm dụng đất và tái định cư

Do tuyến được đầu tư trên nền mặt đường hiện hữu do đó không chiếm dụng đất mới và tái định cư.

4. Chất lượng không khí

Khí thải của các xe tham gia thi công, cũng như các phương tiện tham gia lưu thông trên tuyến là nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí.

Vận chuyển vật liệu thi công: sẽ phải sử dụng rất nhiều xe tải nặng để chuyên chở vật liệu đáp ứng cho việc thi công, đặc biệt đối với các đoạn đường đắp. Có 3 khả năng gây ô nhiễm không khí do hoạt động này gây ra:

Bụi phát sinh từ các dòng xe di chuyển trên các tuyến đường thi công.

Bụi phát sinh từ vật liệu xây dựng được chuyên chở trên đường.

Phát thải khí độc từ dòng xe và phương tiện thi công.

*Trong giai đoạn khai thác và bảo dưỡng

Trong giai đoạn khai thác, có 2 hoạt động chứa tiềm năng gây suy thoái chất lượng môi trường không khí. Chuyển động của dòng xe trên mặt đường sẽ phát sinh bụi lơ lửng và phát thải của dòng xe tạo bụi lơ lửng và khí độc như nitơ oxit (NOx), cacbon oxit (CO), bụi chì (Pb) nếu vẫn còn sử dụng xăng pha chì. Quá trình ô nhiễm môi trường không khí có nguồn gốc giao thông diễn ra theo một chu trình: Nguồn phát thải (Phụ thuộc vào loại phương tiện, thiết bị, máy móc, chất lượng nhiên liệu); quá trình lan truyền phụ thuộc vào địa hình, nhiệt độ, mưa và gió) và đối tượng tiếp nhận (con người, đất, hệ động thực vật). Đã sử dụng mô hình khuếch tán ô nhiễm không khí - mô hình Sutton để dự báo mức độ ô nhiễm không khí từ phát thải.

*** Biện pháp giảm thiểu**

Giai đoạn thi công

Giảm thiểu bụi phát sinh do vận chuyển vật liệu thi công: Trong trường hợp thi công vào mùa khô, tưới nước làm ẩm vật liệu thi công trong quá trình vận chuyển, tưới nước mặt đường vận chuyển thi công, che phủ vật liệu dễ sinh bụi trong quá trình vận chuyển. Không chế phát thải các khí độc của các xe thi công theo nghị định 175/CP ngày 18/10/1994.

Giảm thiểu bụi phát sinh do thi công nền đường vào mùa khô. Hàng ngày sử dụng xe tưới nước cho ẩm mặt đường thi công, mỗi ngày 2 lần vào hai buổi.

Xử lý chất thải rắn: Trừ cành cây và lá khô. Cấm không được đốt ngoài trời các phế thải khi chúng chưa được phân loại. Các phế thải sẽ được thu gom, phân loại và xử lý chúng theo sự hướng dẫn của kỹ sư giám sát môi trường. Việc đốt cành cây khô và rác thải sinh hoạt khi đã được phân loại là không độc hại cũng phải chọn địa điểm sao cho khói bụi của chúng không gây ảnh hưởng đến môi trường.

5. Tiếng ồn

*** Trong giai đoạn thi công**

Các hoạt động thi công gây ồn, rung chủ yếu là: Giải phóng mặt bằng, đào, đắp nền và mái dốc thêm vào đó các thiết bị thi công cũng tạo ra nguồn ồn có cường độ âm thanh lớn. Nhìn chung, mức độ cũng như phạm vi ảnh hưởng của tiếng ồn trong thi công phụ thuộc vào đặc tính kỹ thuật, thời gian, tần suất hoạt động của máy móc cũng như hướng và khoảng cách tới đối tượng tiếp nhận.

Giai đoạn khai thác

Trong giai đoạn khai thác, tiếng ồn phát sinh từ dòng xe vận hành trên đường là điều cần được quan tâm đặc biệt. Nguồn ồn của dòng xe vận hành trên đường là tổng hợp các yếu tố, bao gồm: Vận hành của máy móc và của chính phương tiện khi cọ sát với mặt đường đặc biệt khi xe chạy với tốc độ cao và phanh gấp, thêm vào đó hành vi của lái xe có thể làm trầm trọng thêm tình trạng ô nhiễm tiếng ồn.

*** Biện pháp giảm thiểu**

Trong giai đoạn thi công

Tác động về tiếng ồn trong giai đoạn thi công sẽ được giảm thiểu bằng các giải pháp tổng hợp kết hợp giữa:

- Sử dụng các thiết bị có mức phát thải phù hợp với yêu cầu của FHWA (USA).
 - Tính toán để đặt các thiết bị thi công, nếu có thể tránh những khu vực nhạy cảm.
- Giá trị mức ồn phải nhỏ hơn giới hạn cho phép (mức ồn ở các khoảng cách sẽ được xác định theo nguyên tắc - giảm 6dBA khi tăng gấp đôi khoảng cách).

Giám sát tiếng ồn trên tuyến và tại công trình đang thi công là một phần trong giám sát thi công. Việc giám sát sẽ được yêu cầu thực hiện không chỉ ở các khu vực có các thiết bị gây ồn ở mức cao (bãi đóng cọc và khu vực có các máy móc gây tiếng ồn lớn) mà còn lại các vị trí nhạy cảm với tiếng ồn trong suốt thời gian thi công.

*** Trong giai đoạn khai thác**

Trong bước thiết kế tiếp theo cần định vị chính xác các khu vực cần giữ yên tĩnh dọc theo tuyến. Nghiên cứu hạ độ dốc khi tuyến chạy sát khu vực mẫn cảm để giảm tiếng ồn khi tăng hoặc giảm tốc. Nghiên cứu chiều cao của các công trình nhạy cảm để

thiết kế đường đắp hoặc đường đào thích hợp. Trồng cây 2 bên đường có thể giảm cường độ và phân tán âm thanh. Giải pháp này có hiệu suất giảm ồn kém hơn là tường chống ồn, song lại có tác dụng lớn về tâm lý và tăng chất lượng trực quan.

Giám sát ô nhiễm tiếng ồn và các nguồn gây ồn vượt giới hạn cho phép là mối quan tâm của các cơ quan làm công tác quản lý môi trường và của ngành GTVT. Về phía dự án. Áp dụng TCVN 5948 và 5949-1995 để theo dõi mức ồn trong sự phối hợp với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương vào những năm đầu trong giai đoạn khai thác.

Kết luận: Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei, đã có cân nhắc và góp phần giải quyết những vấn đề môi trường như sau:

Tác động là không thể tránh, tuy nhiên những tác động đó đều có thể giảm thiểu. Giám sát môi trường sẽ buộc các nhà thầu thực thi các điều khoản hợp đồng về bảo vệ môi trường. Đồng thời phát hiện và xử lý những tác động dự báo sai hoặc bổ sung những biện pháp giảm thiểu đối với tác động chưa được dự báo và giải quyết các khiếu nại của địa phương về khía cạnh môi trường.

CHƯƠNG 10

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

Tuyến đường Từ trung tâm xã Ngọc Linh đi 02 thôn Tân Út và Tân Rát là tuyến đường chiến lược quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của xã Ngọc Linh nói riêng và huyện Đăk Glei nói chung. Góp phần hoàn thiện hệ thống giao thông khu vực, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị tại địa bàn.

I. HIỆU QUẢ KINH TẾ

- Từng bước phát huy lợi thế về địa lý, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bước đầu sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa theo quy mô nhỏ và vừa, người dân tiếp cận được các dịch vụ sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm một cách thuận lợi. Tạo sự chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, kinh tế nông thôn và nâng cao đời sống nhân dân trên cơ sở đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng, đào tạo và chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý và bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng phòng hộ giữ nước cho các công trình thủy lợi, nước tự chảy,...

- Đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, hành khách ngày càng tăng trong khu vực. Kích thích và phát triển của các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh như nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản, nông nghiệp, lâm nghiệp, khai khoáng, dịch vụ, du lịch sinh thái và dã ngoại... đồng thời phục vụ yêu cầu quốc phòng khi cần thiết.

- Góp phần vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ mục tiêu công nghiệp hoá hiện đại hóa, từ đó từng bước nâng cao đời sống nhân dân trong khu vực.

- Hoàn thành được mục tiêu định canh định cư, phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, năng lượng đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước ngày một vững chắc hơn.

- Khai thác nông, lâm nghiệp, đồng thời thực hiện tốt xóa đói giảm nghèo.

II. HIỆU QUẢ XÃ HỘI

- Góp phần nâng cao trình độ dân trí, thay đổi từng bước nếp sống, sinh hoạt, đi lại của người dân trong vùng dự án tiến đến nếp sống văn minh, lịch sự. Đồng thời góp phần đảm bảo an ninh chính trị cho vùng dự án.

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác trao đổi kinh nghiệm sản xuất, giao lưu văn hóa giữa người dân địa phương của vùng dự án và các Huyện lân cận.

- Công tác định canh định cư kết hợp giữa sản xuất với an ninh quốc phòng, tập quán sinh hoạt các cộng đồng dân cư đảm bảo điều kiện nguồn nước, giao thông, dịch vụ, đất canh tác...

3. HIỆU QUẢ VỀ MẶT AN NINH QUỐC PHÒNG

Tuyến đường này được xây dựng sẽ nối các tuyến khác trong khu vực QL14; TL 672, 673, ...thành mạng giao thông khép kín. Nó sẽ tạo điều kiện thông tin liên lạc từ các thôn làng ra bên ngoài tốt hơn, đảm bảo cho việc tăng cường an ninh trong khu vực.

CHƯƠNG 11

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Tổ chức thực hiện.

1- **Cơ quan quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei.

2- **Chủ đầu tư:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đăk Glei.

3- **Nguồn vốn:** Nguồn chương trình MTQG năm 2022 và các năm tiếp theo (*Nghị quyết 54/NQ-HĐND ngày 29/08/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum*).

4- **Thời gian thực hiện:** Từ năm 2023 - 2025.

5- **Hình thức xây dựng công trình:** Nâng cấp, cải tạo.

6- **Phương thức thực hiện:** Theo quy định hiện hành.

7- **Hình thức thực hiện:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

II. Kết Luận:

Việc đầu tư Dự án Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei. Giải quyết nhu cầu cấp bách về giao thông cho nhân dân xã Ngọc Linh đi lại trong mùa mưa lũ. Góp phần từng bước hoàn thiện mạng lưới đường giao thông trên địa bàn huyện Đăk Glei, phân bổ lại dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt sản xuất của nhân dân địa phương và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội huyện.

Ngoài ra, Dự án còn góp phần quan trọng trong việc quản lý và bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo an ninh chính trị và quốc phòng trên địa bàn. Hoàn thành được mục tiêu định canh, định cư, phát triển ngành Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, năng lượng. đồng thời củng cố niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước ngày một vững chắc hơn, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, góp phần giữ vững an ninh chính trị trong toàn khu vực.

Từ thực trạng nêu trên, việc đầu tư tuyến: Đường từ trung tâm xã Ngọc Linh đi 02 thôn Tân Út và Tân Rát thuộc dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư tại chỗ xã Ngọc Linh, huyện Đăk Glei. Đầu tư nâng cấp, cải tạo là hết sức cần thiết và cấp bách, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận, thực tiễn, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân từ bấy lâu nay.

Kính trình Quý cơ quan, Ban ngành xem xét, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, để dự án sớm được triển khai bước tiếp theo.

CÔNG TY TNHH TV VÀ XD NAM LONG

